

I. VỀ CHÍNH SÁCH VÀ HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH

1. Hoạch định chính sách, ở đây là chính sách kinh tế - xã hội, là một hoạt động ở tầm lý luận có ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn. Tầm lý luận của chính sách, xét đến cùng, là tùy thuộc vào sự cảm nhận và gắn bó máu thịt với thực tiễn. Vì, thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất để kiểm nghiệm chân lý, chính vì vậy, tầm lý luận của chính sách có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Nó có thể làm cho hành động của hàng triệu con người thúc đẩy sự phát triển và cũng có thể làm chậm sự phát triển đó khi hành động của hàng triệu con người nhất thời bị dẫn dắt theo một chủ nghĩa duy



ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ

MẤY VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

ý chỉ trái với quy luật khách quan.

2. Tôi xin dẫn ra đây một ví dụ khi phân tích về những sai lầm do nóng vội và duy ý chí mà Đại hội VI đã phê phán "lấy lòng mong muốn thay cho thực tế", đồng chí Phạm Văn Đồng đã viết "Trong cách nghĩ và cách làm sai lầm này, điều nguy hiểm nhất là bất chấp quy luật của lịch sử, muốn đốt cháy giai đoạn, không tính đến điểm xuất phát về tình hình mọi mặt của nước ta lúc bấy giờ. Bản thân tôi, hồi tưởng lại tâm trí của mình, tôi vô cùng ngạc nhiên sao mà mình có thể quay lưng lại với biết bao sự thật hàng ngày diễn ra trước mắt mình để lao vào những sai

lầm với những cái giá đắt phải trả. Rõ ràng đây là một sự thiếu sáng suốt trong nhận thức và hành động, trong lý luận và thực tiễn" (1)

Người dùng cảm viết lên những câu đó cũng là người dám khẳng định rằng "đổi mới tức là từ bỏ những cái cũ, cái lỗi thời, cái lạc hậu, đổi mới những cái cũ có thể đổi mới, và sáng tạo những cái mới. Đây là một sự sáng suốt rất không giản đơn và nhanh chóng" (2). Chính vì thế "thấy những cái cũ lỗi thời và nguy hại, phải từ bỏ không luyến tiếc, chúng ta dần dần đi đến nhận thức về việc này một cách khẳng khái. Song không phải từ đó mà thấy ngay được cái

mới, nhất là cái mới đúng với quy luật, có tính công phat, có khả năng cứu vãn tình hình, được xã hội chấp nhận và hợp với lòng dân". (3)

3. Hoạch định chính sách thể hiện được "cái mới đúng với quy luật, có tính công phat, có khả năng cứu vãn tình hình, được xã hội chấp nhận và hợp lòng dân" là "một sự sáng suốt rất không giản đơn và nhanh chóng". Cũng chính vì thế, tôi nghĩ rằng hoạch định chính sách là một tìm tòi khoa học, bản thân chính sách là một khoa học. Đó là khoa học quản lý, là sự rút rút kinh nghiệm, phát hiện quy luật từ trong hoạt động thực tiễn. Từ trong những thể

nhịệm đúng sai của diễn biến hiện thực mà biết khái quát lại, nâng lên tầm lý luận, để chỉ đạo thực tiễn.

Chỉ đạo thực tiễn, thực ra, đúng hơn nên nói: chỉ đạo hoạt động của con người, triệu triệu con người hành động phù hợp với quy luật khách quan của diễn tiến kinh tế và xã hội - chỉ có thể chỉ đạo con người, làm cho hoạt động của con người phù hợp với quy luật, không thể chỉ đạo quy luật. Người ta chỉ có thể nhận biết được quy luật khách quan để hướng hành động của mình phù hợp với quy luật, do đó mà thúc đẩy sự phát triển đúng quy luật.

Trong khoa học tự nhiên, người có thể tìm tòi, phát hiện và nhận thức quy luật trong phòng thí nghiệm, trong sự thể nghiệm đúng sai đang diễn ra chung quanh ta của thế giới vật chất - trong khoa học xã hội, phòng thí nghiệm, oái ăm thay, lại chính là cuộc sống của con người, của triệu triệu con người đang lao động, làm ăn, đi lại, học hành, vui chơi sinh con đẻ cái v.v...

Những thể nghiệm đúng sai của một chính sách kinh tế - xã hội để lại hậu quả trên chính cuộc sống của từng con người, của từng nhóm xã hội, của cả một cộng đồng dân tộc. Và đôi khi, sự thể nghiệm đúng sai đó phải trả một cái giá rất đắt mà so với chi

phí trong phòng thí nghiệm, thậm chí thí nghiệm phóng con tàu vũ trụ, còn nặng nề hơn rất nhiều.

Một chuyển động về một chính sách quản lý nông nghiệp, bằng Nghị quyết 10 về khoán hộ, trao trả lại quyền tự chủ sản xuất về cho hộ kinh tế gia đình nông dân đủ sức gây nên một đợt biến kỳ diệu mà không ai có thể hình dung nổi: VN từ đói gạo phải nhập khẩu vượt lên trở thành nước xuất khẩu gạo đứng thứ nhì thế giới. Đương nhiên, để tạo ra bước chuyển biến kỳ diệu đó, còn cần cả sự cộng hưởng của một loạt các giải pháp kinh tế, quản lý, khoa học công nghệ v.v...khác nữa. Song, điều mọi người đều dễ dàng nhất trí: đó là nhờ sự đổi mới trong quản lý, nông nghiệp với chính sách khoán hộ của Nghị quyết 10 vào tháng 4.1988 "một cái mới đúng với quy luật, có tính công phạt, có khả năng cứu vãn tình hình, được xã hội chấp nhận và hợp với lòng dân".

Như vậy là, để có một chính sách đúng, phải có sự bám sát thực tiễn, cảm nhận được diễn biến khách quan của hiện thực, kiểm nghiệm được đúng sai, dám thừa nhận cái sai để cố vũ cho cái đúng, dùng cảm mạo xé những căn bệnh trong cơ thể lạnh mạnh của xã hội để vứt bỏ những ung nhọt, cho dù phải đau đớn. Từ sự cảm nhận và kiểm nghiệm đó mà đúc kết thành kinh nghiệm nâng lên tầm khái quát của tư duy lý luận, thể hiện ra bằng chính sách - và nếu "khoa học là một chuỗi sai lầm luôn luôn được sửa chữa" theo cách nói của K.Popper, thì chính sách, hoạch định chính sách là một khoa học, một hoạt động khoa học cũng luôn luôn đứng trước những thách thức gay gắt của thực tiễn. Chính những thách thức gay gắt đó đòi hỏi người hoạch định chính sách phải nhanh nhạy nắm bắt diễn biến của thực tế tình hình và sáng suốt điều chỉnh, sửa đổi những mục tiêu, giải pháp, phương thức thực hiện v.v...cho phù hợp

với thực tiễn. Ở đây, đòi hỏi bản lĩnh và trí tuệ của người hoạch định chính sách.

4. Từ những vấn đề vừa nói ở trên, tôi muốn nói đến tính cập nhật của chủ đề hội thảo "Tiếp tục đổi mới chính sách đối với các thành phần kinh tế nhằm xây dựng và hoàn thiện quan hệ sản xuất theo định hướng XHCN ở VN".

Ở đây có 2 vấn đề liên quan mật thiết với nhau, quy định lẫn nhau: "đổi mới chính sách đối với các thành phần kinh tế và quan hệ sản xuất theo định hướng XHCN".

Về thứ hai quy định về thứ nhất, ngược lại về thứ nhất làm rõ nội dung của về thứ hai - tôi chỉ định tham luận vào về thứ nhất của vấn đề, nhưng để làm rõ nội dung của về thứ nhất này không thể không xuất phát từ tiền đề quy định nó: quan hệ sản xuất theo định hướng XHCN.

trang, tôi đã đọc rất kỹ song cảm thấy chưa đủ thuyết phục để dựa vào đấy mà bàn về vấn đề đổi mới chính sách). Cách đơn giản nhất là dựa vào một mệnh đề được nói đến một cách chính thức, và ai cũng có thể hiểu được: "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh". Sẽ dễ trình bày hơn, khi dựa vào văn kiện của Đại hội 8: "Mục tiêu của CNH, HĐH là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật, hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu nước mạnh xã hội công bằng văn minh, xây dựng thành công CNXH".

Từ những điểm trên, tôi *giả định* rằng: quan hệ sản xuất theo định hướng XHCN chính là "quan hệ

nội dung đích thực của định hướng XHCN. Nếu với một giả định khác, đương nhiên những lập luận tôi sẽ trình bày sau đây là vô nghĩa.

II. CỐT LÕI CỦA SỰ ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ

1. Tiếp tục đổi mới, có nghĩa là công cuộc đổi mới đã khởi phát từ trước, đã có một hành trình, nay, hành trình đó đi vào một giai đoạn mới.

Vậy, cái cốt lõi nhất của đổi mới, bắt đầu từ Đại hội VI, là gì? "Xu thế đổi mới dẫn đến những thay đổi lớn lao, trước nhất là đổi mới tư duy, mà đổi mới tư duy rất khó, có thể nói khó hơn tất cả trong những yêu cầu đổi mới" (1). May mắn thay, việc đổi mới tư duy trước tiên là phải đổi mới tư duy kinh tế: chấp nhận nền kinh tế nhiều thành phần được vận hành theo cơ chế thị trường.

Đây chính là mệnh đề cốt lõi của nội dung đổi



Nhưng vì, ở chính vấn đề lý luận rất cơ bản này, thì lại đang còn khá mù mờ về lý luận, và có lẽ Hội đồng lý luận TW đang tập trung nghiên cứu để đưa ra giáo trình chuẩn quốc gia, luận định chuẩn quốc gia (?) có lẽ nên chờ, chứ xói xáo vấn đề này ở hội thảo này, sợ không đủ tầm (tôi đang có trong tay một luận văn "Định hướng XHCN là gì? Thể hiện trên các lĩnh vực như thế nào?" dày 31

sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh". Những luận điểm tôi trình bày về "tiếp tục đổi mới chính sách đối với các thành phần kinh tế" lấy nội dung giả định đó của về thứ hai để đảm bảo tính logic của lập luận: coi sự nghiệp xây dựng nước giàu, dân mạnh, xã hội công bằng và văn minh là

mới. Tôi nói vậy vì, chính đây là sự thay đổi tận gốc nền tảng vật chất của đời sống xã hội, từ đó sẽ dẫn đến những thay đổi một cách cơ bản cách nghĩ, cách xử lý mọi ứng xử thực tiễn.

Chấp nhận nền kinh tế nhiều thành phần, có nghĩa là bên cạnh thành phần kinh tế quốc doanh, kinh tế hợp tác xã, có kinh tế tư nhân - như vậy, cũng có nghĩa là chấp nhận sở hữu tư nhân, chấp nhận

chế độ tư hữu, (cho dù là trong một giai đoạn lịch sử, mặc dù không ghi rõ trong văn kiện). Từ nguyên tắc xóa bỏ chế độ tư hữu được trình trong tuyên bố trong Tuyên ngôn của Đảng cộng sản do Mác - Anghen soạn thảo năm 1848 "những người cộng sản có thể tóm tắt lý luận của mình thành công thức duy nhất này: xóa bỏ chế độ tư hữu", đến việc thừa nhận chế độ tư hữu (cho dù trong thời đoạn) là một sự thay đổi cơ bản, làm chuyển đổi tận gốc nhiều vấn đề lý luận mà chúng ta vốn học thuộc lòng.

Cùng với việc chấp nhận chế độ tư hữu (cho dù là tạm thời, trong một quãng thời gian nhất định, bao lâu chưa rõ, nhưng theo Đặng Tiểu Bình thì 100 năm!) là chấp nhận cơ chế thị trường. Đây là một hệ quả tất yếu, nhưng là một chuyển đổi cơ bản về mọi ứng xử thực tiễn trên mọi quan hệ, quan hệ giữa con người với thiên nhiên, với môi trường sinh thái, quan hệ giữa người và người, quan hệ giữa người công dân với nhà nước do mình đóng thuế để nuôi bộ máy công quyền đó phục vụ cho mình v.v...

Tôi chỉ 2 ví dụ nhỏ:

a. Tôi đem tiền ra chợ mua hàng. Thuận mua, vừa bán. Tôi mua theo nhu cầu của tôi, nếu yêu cầu đó được đáp ứng thì tôi không phải băn khoăn: hàng do ai làm ra, địa vị xã hội của người bán hàng, nhờ ơn ai mà tôi được mua hàng này v.v... Điều tôi quan tâm chính là giá cả và giá trị sử dụng của hàng hóa ấy.

b. Tôi nộp thuế sống phẳng cho nhà nước. Để làm gì? Để nuôi bộ máy công quyền phục vụ cho lợi ích của chính tôi, cho sự tồn tại của tôi, của gia đình tôi, bè bạn láng giềng, và nói chung cho xã hội tôi đang sống. Thực chất, đây là số tiền tôi ứng trước để mua những dịch vụ công mà nếu không có những dịch vụ công ấy thì tôi không thể sống ngay trong ngôi nhà của tôi chứ đừng nói đến chuyện đi lại, học hành, lao động, giải trí v.v... Bộ máy

nhà nước được nhận tiền ứng trước ấy của dân, sẽ đầu tư sinh lợi và bán cho dân những dịch vụ công: đường sá, xe cộ, trường học, bệnh viện, công an, tòa án v.v...

Vậy là, cùng với thói quen nói *ơn Đảng, ơn chính phủ*, bây giờ người dân cần nghe nói *Đảng ơn dân, chính phủ ơn dân* vì dân là người đóng thuế. Câu nói: "chính phủ là công bộc của dân, cán bộ là đầy tớ của dân" của Bác Hồ thật sâu sắc và thâm thúy biết bao!

Vậy là, ở giữa chợ, tôi thực hiện quyền của người có tiền đi mua hàng, đồng tiền đó kiếm được nhờ sức lao động của tôi làm ra, đó là vật ngang giá.

Ở trong xã hội, tôi cũng thực hiện quyền công dân, người đóng thuế nuôi bộ máy công quyền, tôi có quyền đòi hỏi bộ máy công quyền phục vụ tôi khi mà tôi đã hoàn thành nghĩa vụ công dân của tôi.

Trong cả 2 trường hợp (hoặc 2 vai trò) xã hội đang thực thi dân chủ không chỉ giữa các cá nhân công dân mà là giữa những chủ thể có tư cách pháp nhân như nhau.

Vậy là, mọi thói quen ban phát, xin cho, ơn huệ của thời kỳ bao cấp - sự nổi dài của lối ứng xử vốn có từ hàng nghìn năm "ơn vua, lộc nước" và nền kinh tế tiểu nông với chế độ phong kiến - đều không có cơ sở tồn tại nếu thực hiện một cách triệt để cơ chế thị trường trong một khung pháp lý của một nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân. Đương nhiên, thị trường tôi nói đây là một thị trường văn minh, luật định, không phải là một thị trường hoang dã, hoặc một thị trường tự do bị chiếm đoạt (captured free market) được các tệ nạn quan liêu, tham nhũng và sự quản lý yếu kém nuôi dưỡng, càng không nói đến một thực trạng đang nổi cộm, nhức nhối, ngày càng trầm trọng mà chưa tìm ra liều thuốc đặc hiệu để chữa trị, đó là sự cấu kết giữa quyền lực và thị trường, tức là sự cấu kết giữa một số không ít

những người đang chiếm giữ những trọng trách trong bộ máy công quyền với thị trường tự do bị chiếm đoạt đã nói ở trên.

Với cơ chế thị trường của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần thì cơ sở ứng xử thực tiễn là cơ sở thực lực. Trong cơ chế cạnh tranh lành mạnh của thị trường, thực lực sẽ nói lời quyết định trong mọi mối quan hệ. Người ta không thể dựa dẫm vào những hào quang giả tạo (dù cho có đánh bóng, mạ kền tân trang lại) khi đi vào cơ chế thị trường đòi hỏi sự sòng phẳng thuận mua, vừa bán, trong đó thứ hàng hóa có giá trị đặc biệt là sức lao động. Trong sức lao động này thì sức lao động được tinh chế, tức là chất xám, là thứ hàng hóa có giá trị cao nhất, do vậy mà giá cả và giá trị sử dụng lớn nhất.

Ở đây, lời tiên đoán của Mác khoa học trở thành một lực lượng sản xuất trực tiếp" cần được vận dụng một cách thông minh để cho lực lượng sản xuất trực tiếp ấy phát huy được tiềm năng lớn lao của nó, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

Đáng tiếc là trong một thời gian rất dài, kinh tế học Mác - xít do những môn đệ chưa hiểu tường tận Mác - hoặc cố tình không hiểu - đã chỉ nhấn mạnh vào lao động sống, lao động quá khứ, giá trị thặng dư v.v... mà không biết khai thác và phát huy lời tiên đoán trên của Mác để vận dụng vào thời đại mà khoa học kỹ thuật tiến như vũ bão. Trong các bộ môn thống kê, kế toán và đo lường kinh tế của một thời khá dài, người ta chỉ chú ý đến của cải vật thể, cũng từ đó dẫn đến quan điểm cứng nhắc về cơ cấu nền sản xuất xã hội, không thấy được những thành tựu của khoa học và công nghệ đã có tiếng nói quyết định như thế nào trong sản xuất, đặc biệt là những thành tựu về tin học.

Trên đây là tôi nói một cách rất ráo với giả định là chúng ta thực sự chuyển sang cơ chế thị trường của nền kinh tế

hàng hóa nhiều thành phần.

Phải thực sự chuyển, và chuyển một cách mạnh mẽ trên tinh thần "thấy những cái cũ lỗi thời và nguy hại phải từ bỏ không luyến tiếc" dứt khoát từ bỏ cái "mô hình xa lạ với chủ nghĩa hội" để mạnh dạn xây dựng một xã hội mới, hướng vào mục tiêu "dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh" với giả định mà tôi đã nói ở trên, đó là nội dung của định hướng XHCN".

Nếu không dứt khoát chuyển mạnh sang cơ chế thị trường để do vậy, mọi ứng xử thực tiễn đều phải chuyển đổi cho phù hợp với cơ chế đó, mà vẫn ngập ngừng nước đôi, để cho cơ chế quan liêu, hành chính, bao cấp vẫn còn chi phối nhiều hoạt động kinh tế xã hội thì sẽ nảy ra vô vàn những nghịch lý mà chúng ta đang chứng kiến.

Chỉ nêu một ví dụ: xét đến cùng, nạn tham nhũng không sao chống được, càng chống càng tăng vì nguồn gốc để ra tệ nạn đó là sự cấu kết giữa quyền lực và thị trường mà tôi đã nói ở trên. Đây là sự cấu kết giữa sự ứng xử kiểu bao cấp, quan liêu và kế hoạch hóa tập trung theo thói độc quyền ban phát, xin cho, với cách ứng xử của một thị trường tự do bị chiếm đoạt. Sự nhập nhằng này càng kéo dài thì nạn tham nhũng sẽ càng hoành hành, vô phương cứu chữa.

2. Như vậy là, chính sách đối với các thành phần kinh tế là một chính sách cơ bản có ý nghĩa chi phối toàn bộ hoạt động của xã hội ta hiện nay. Nói là chính sách cơ bản hay nói là điểm nút của mọi khởi động cũng được.

Xin nêu một vấn đề làm ví dụ: vấn đề sức mạnh nội sinh và phát huy nội lực - chúng ta đang nói rất nhiều vấn đề này, nhất là trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu và khu vực. Sức mạnh ấy được tạo ra bởi nhiều yếu tố, trong đó thứ nhất là nguồn nhân lực, thứ hai là nguồn vốn, thứ ba là cách tổ chức và quản

lý để hai nguồn lực ấy phát huy tối đa.

a. Về nguồn nhân lực

Sau quá trình hợp lý hóa trong những năm 1990 - 1992, số việc làm trong các doanh nghiệp nhà nước đã giảm đi 400.000, còn lại 1,78 triệu, vào cuối 1995, con số đó là 1,72 triệu, tức là giảm thêm 60.000 lao động.

Bù vào, các đầu tư nước ngoài liên doanh với các DNNN đã tạo thêm 90.000 việc làm trong 5 năm.

Như thế có nghĩa là: hai hình thức quản lý doanh nghiệp với nhiều lợi thế ưu đãi về thuế, điều kiện sử dụng đất tốt hơn, và tiếp cận dễ hơn với nguồn vốn đã không tạo ra thêm được việc làm nào mới từ 1991 đến 1995.

Tình hình tạo việc làm yếu kém này cho thấy có những méo mó trong hệ thống các biện pháp khuyến khích hiện đặt ra cho các nhà đầu tư trong bối cảnh hầu hết các nhà phân tích đều nhất trí rằng lợi thế tương đối quan trọng nhất và duy nhất của VN là lực lượng lao động có thể rẻ, có kỷ luật, có văn hóa.

Thế nhưng sau 5 năm với khối lượng đầu tư thực hiện theo thông báo là 6 tỷ USD thì con số việc làm có liên quan được tạo ra chỉ mới là 90.000 trong tất cả các ngành với chi phí bình quân là 60.700 USD cho mỗi việc làm được tạo ra.

Tỷ lệ này cộng với con số đầu tư trực tiếp nước ngoài dự kiến sẽ có nghĩa là trong thời gian 1996 - 2000 chỉ có 60.000 việc làm được tạo hàng năm. Như thế có nghĩa là, trong 5 năm (1996 - 2000) việc làm được tạo ra từ khu vực được ưu đãi này hàng năm chỉ vốn vẹn có 5% số lao động được tăng lên. Ai sẽ gánh 95% lực lượng lao động đang đói việc làm?

Nếu các DNNN đã giảm việc làm trong 5 năm qua, thì ngoài số liên doanh với nước ngoài có tạo ra được một phần nhỏ tỷ lệ việc làm trong lực lượng lao động đang đòi phải có việc làm, hầu như toàn bộ số

việc làm mới đang và sẽ có được là do khu vực tư nhân trong nước tạo ra. (4)

Theo báo cáo chuyên đề của PGS Nguyễn Thị Cảnh trình bày trong dịp khảo sát này thì "xét trên tài sản - vốn thì hiện khu vực kinh tế nhà nước còn nắm giữ trên 70% về vốn - tài sản của nền kinh tế TP.HCM. Ấy thế nhưng "khu vực ngoài quốc doanh đã có đóng góp rất lớn về mặt xã hội, thu hút khoảng 77% lực lượng lao động đang làm việc trên địa bàn".

Trên đây, tôi chỉ mới nói nguồn nhân lực nói chung, chủ yếu là nói việc làm, chưa đề cập đến chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt chưa nói đến chất xám.

b. Về nguồn vốn

Cho đến nay thì cũng chưa có một dự báo có căn cứ nào về nguồn vốn trong dân, ngoài một ước đoán mang tính khẳng định rằng: tiềm năng không nhỏ. Thế nhưng làm thế nào để huy động được tiềm năng không nhỏ đó?

Theo số liệu của PGS Nguyễn Thị Cảnh, năm 1994, TP.HCM đạt mức tăng trưởng là 14,6% thì khu vực quốc doanh đóng góp là 6,94% (cần lưu ý là quốc doanh nắm trên 70% về vốn tài sản của thành phố), khu vực ngoài quốc doanh đóng góp 5,5%. Năm 1995, tăng trưởng GDP của thành phố là 15,3% thì khu vực quốc doanh đóng góp là 5,48%, khu vực ngoài quốc doanh 5,24%. Chính vì vậy, năm 1997, mức tăng trưởng ở khu vực tư nhân và khu vực đầu tư nước ngoài bắt đầu giảm đã làm mức tăng trưởng GDP trên toàn thành phố giảm theo (5)

Đây là nguồn vốn đã được huy động.

Thế còn nguồn vốn vẫn còn nằm im thì cần có những yếu tố khởi động, những giải pháp thích hợp nào để người chủ sở hữu nguồn vốn đó đưa vốn vào đầu tư kinh doanh, sản xuất.

Với nguyên lý của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường thì mọi của cải của người dân đều có thể

chuyển thành tiền - vật ngang giá - để có thể đưa vào đầu tư sinh lợi cho chủ sở hữu. Sở dĩ chủ sở hữu chưa dám đầu tư vì còn phụ thuộc nhiều yếu tố tâm lý, thói quen, tập quán sử dụng đồng tiền v.v... song cái chủ yếu là sự nghi ngại về chính sách, sự không thuận lợi, không đáng tin cậy của môi trường đầu tư.

Một mặt khác, các loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa gắn với sở hữu tư nhân đặt trong quan hệ phân công hợp tác thương mại ra năng động, uyển chuyển và có hiệu quả cao - Đài Loan là một ví dụ tiêu biểu. Sở dĩ nền kinh tế của Đài Loan ít bị chao đảo trong bối cảnh của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ khu vực theo dự báo vẫn giữ mức tăng trưởng từ 6% xuống còn 5 đến 5,2% (trong lúc Hàn Quốc từ 7,4% dự báo tụt xuống 4%, Thái Lan từ 7,2% tụt xuống 6 đến 9%). Thế nhưng, thời gian vừa qua, chúng ta chưa có đủ những chính sách cần thiết để khơi động được loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa này phát triển - môi trường đầu tư chưa thuận lợi, trong đó có môi trường pháp lý (tính đồng bộ của luật pháp, của trung ương và địa phương v.v...) khiến cho nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa đang thiếu động lực để phát triển. Đây là một nguyên nhân rất quan trọng khiến cho tiềm năng vốn trong dân vẫn nằm im, không sinh lợi.

Một dạng của cái khác nữa cũng chưa được khai thác và phát huy đó là chất xám, thông tin, kinh nghiệm kinh doanh. Dạng của cái này gắn liền với chủ sở hữu, nói đúng hơn, mang tính tư nhân về sở hữu nhưng lại có thuộc tính xã hội hóa cao trong cơ chế thị trường. Tuy vậy, cách ứng xử đối với nguồn vốn quý giá này vẫn còn chịu sự chi phối nặng nề của tư duy cũ, chỉ nhìn thấy lực lượng sản xuất ở dạng của cái vật thể có thể đo đếm được, ở dạng lao động sống được hiểu một cách thô thiển. Chính vì thế, sự thất thoát nguồn của cải quý giá này đã làm

suy yếu nội lực. Sự suy yếu này, xét đến cùng, liên quan tới không chỉ vấn đề kinh tế mà là những vấn đề lý luận cơ bản về các giai tầng xã hội.

Cho đến nay, trong tư duy chính trị, chúng ta vẫn chưa đặt đúng vai trò và vị trí của tầng lớp doanh nghiệp. Vào đầu năm nay, mở đầu cho nhiệm kỳ thủ tướng, đồng chí Phan Văn Khải đã có cuộc gặp gỡ và đối thoại với các nhà doanh nghiệp Bắc - Trung - Nam. Đó là một sự khởi đầu đáng chú ý. Tuy nhiên, dường như vấn đề đặt ra vẫn nằm trong phạm trù kinh tế, bàn chuyện làm ăn, gỡ bỏ những chướng ngại, tạo sự thông thoáng về môi trường pháp lý để có thể tháo gỡ những khó khăn về vốn, về thuế, về thủ tục xuất nhập khẩu v.v... Điều đó là tuyệt đối cần thiết song chỉ như vậy thì chưa đủ. Nỗi ám ảnh về "bóc lột" ngoại suy từ chỉ thị về đảng viên không được làm kinh tế tư nhân khiến mỗi nghị ngại về tính lâu dài của chủ trương đẩy mạnh sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường.

Những mặc cảm và sự kỳ thị về "giai cấp tư sản mới" vẫn còn lẫn lộn quá trong khá nhiều luận điểm thường được xem là vững lập trường khiến cho nỗi lo sợ "vô báo để giết thịt" vẫn chưa được rũ bỏ, thanh thoát.

Chừng nào mà những nghi ngại nói trên chưa được cởi bỏ thì khó có thể tạo ra một lớp các nhà doanh nghiệp có bản lĩnh, đủ trí tuệ và tài năng để thúc đẩy nền kinh tế đi vào một quỹ đạo mới của sự hội nhập và phát triển. Thử hỏi, cho đến hiện nay, ở nước ta, đã có bao nhiêu nhà doanh nghiệp đủ tầm cỡ để có thể là đối tác ngang ngửa với các nhà đầu tư nước ngoài?

Chừng nào tầng lớp doanh nghiệp có bản lĩnh, có trí tuệ và tài năng để làm giàu cho mình và cho xã hội một cách chân chính, chưa được thật sự tôn vinh và tạo điều kiện để phát huy, thì chừng đó

chưa thể có một nền kinh tế thị trường phát triển vững chắc theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh.

III. KẾT LUẬN

Thực tiễn của công cuộc đổi mới những năm qua càng củng cố cho chúng ta một nhận thức. Không thể tách rời các mục tiêu xã hội ra khỏi các mục tiêu kinh tế của bất cứ một chính sách kinh tế xã hội nào. Người ta ngày càng thấy rõ rằng, cần phải đặt các mục tiêu xã hội như một nguồn lực để phát triển kinh tế, các yếu tố xã hội cần được xem xét như là sức mạnh nội sinh. Mà đã là sức mạnh nội sinh thì không nên xem các mục tiêu xã hội chỉ tùy thuộc vào các thành tựu kinh tế, đặt các chỉ tiêu kinh tế trước rồi do đó mới xem xét đến các mục tiêu xã hội, ngược lại, phải thấy rõ mối tương tác biện chứng giữa các mục tiêu xã hội và các mục tiêu kinh tế.

Nói đến mục tiêu xã hội, chính là nói đến con người, là lợi ích của từng con người, từng nhóm xã hội, từng cộng đồng xã hội, cộng đồng dân tộc. Con người với tư cách là nguồn lực quan trọng nhất vừa là đối tượng hướng tới của các hành vi kinh tế. Cũng chính vì thế, kinh tế học hiện đại có một quan niệm cho rằng điểm cốt lõi trong một đường lối kinh tế tức là phân bổ các nguồn lực, thể hiện điều đó trong cơ cấu đầu tư, trong chính sách đầu tư, đối tượng đầu tư. Và vì vậy, phân bổ nguồn lực tức là phân bổ phúc lợi rồi đấy. Cũng do đó, có thể xem xét một xã hội như thế nào bằng cách xem xét tính chất và đặc điểm của nó thể hiện trong cách phân bổ nguồn lực.

Người ta ngày càng thấy rõ kinh tế học gắn bó rất mật thiết với xã hội học. Trên ý nghĩa đó, người ta có xu hướng cho rằng chính sách kinh tế tức là chính sách xã hội trên lĩnh vực kinh tế.

Đương nhiên, làm được như vậy không dễ. Bởi lẽ nếu trong những quyền của con người cần được

hướng tới thì quyền kinh tế là quyền cơ bản nhất, quyền chính trị là quyền quyết định nhất và quyền xã hội là quyền cao nhất và khó nhất nếu quyền đó được nhìn nhận một cách đích thực.

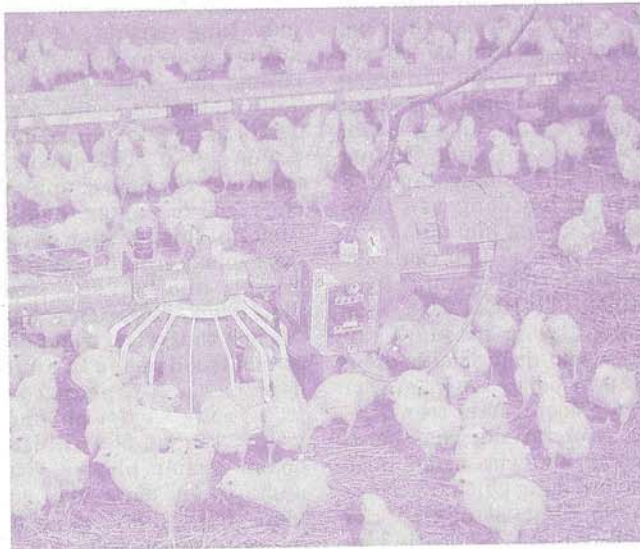
Nếu lên những điều này, tôi cũng chỉ nhằm đi đến một ý tưởng làm nội dung cho việc hình thành kiến nghị về tiếp tục đổi mới chính sách đối với các thành phần kinh tế. Ý tưởng đó là: xét đến cùng, các chính sách đối với các thành phần kinh tế đều xuất phát từ một thực tế xã hội đang tự vận hành theo quy luật của nó. Cần nhớ lại lời khuyến cáo của Mác

thoát khỏi hiểm nghèo. Điều cốt lõi của đổi mới, thì như tôi đã trình bày ở trên, thể hiện rất tập trung trong chính sách đối với nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường. Nói thật rõ ràng, đó là một chính sách xã hội rất cơ bản, có ý nghĩa chi phối đến toàn bộ đời sống kinh tế xã hội nước ta trong hơn mười năm qua. Thực tiễn đã chứng minh, một khi chính sách đáp ứng đúng quy luật thì hợp với lòng dân, thúc đẩy sự phát triển. Những ngập ngừng, chập choạng, khiến cho những tàn dư nặng nề của cơ chế bao cấp hành chính vẫn đang còn

đổi mới tư duy, đổi mới các giải pháp chiến lược tình thế và chiến lược lâu dài nhằm giải phóng sức sản xuất.

Biện chứng của sự vật sản sinh ra biện chứng của tư duy chứ không thể là ngược lại, đèo chân vừa giầy. Tự chúng ta phải tạo ra sức mạnh cho mình, không phát huy nội lực thì không có điều kiện tiếp nhận sự đầu tư của bên ngoài. Trên ý nghĩa đó mà tôi hiểu rằng sự cởi mở và mạnh dạn của chính sách đối với các thành phần kinh tế chính là điểm nút của sự tháo gỡ khó khăn, động viên được sức mạnh của cả dân tộc đi lên trong thử thách mới. Động lực mới phải được tạo ra từ trong lòng dân tộc, bên trong xã hội, mặc dù lúc này đây, hội nhập để tranh thủ sức mạnh từ bên ngoài là hết sức quan trọng. Song muốn hội nhập được ta phải có thực lực - thực lực đó được tạo ra từ sự tháo gỡ ách tắc trong tư duy.

Một lần nữa, tôi lại cầu viện đến Mác "yêu cầu từ bỏ những ảo tưởng về tính cảnh của mình cùng là yêu cầu từ bỏ cái tình cảnh đang cần có ảo tưởng" (7) ■



"một xã hội ngay cả khi đã phát hiện được quy luật tự nhiên của sự vận động của nó, cũng không thể nào nhảy qua các giai đoạn phát triển tự nhiên hay dùng sắc lệnh để xóa bỏ những giai đoạn đó. Nhưng nó có thể rút ngắn và làm dịu bớt được những cơn đau đẻ". (6)

Chúng ta đã có bài học đau đớn của chủ nghĩa duy ý chí "muốn đốt cháy giai đoạn, không tính đến điểm xuất phát của tình hình nước ta" bất chấp quy luật của lịch sử, chính vì thế đã làm sâu sắc thêm sự khủng hoảng kinh tế xã hội trầm trọng và kéo dài. Sự nghiệp đổi mới đã đưa đất nước

chi phối nặng nề sự vận động của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường bị chứng lại, gây nên những hậu quả khó lường. Tiếp tục đổi mới chính sách đối với các thành phần kinh tế chính là tiếp tục thực hiện những quyết sách mạnh dạn mà Đại hội VI đã đề ra, đẩy tới những sáng tạo mới, tạo ra nguồn động lực mới cho các thành phần kinh tế cùng phát triển.

Trong bối cảnh cực kỳ khó khăn của sự khủng hoảng kinh tế tài chính khu vực và thế giới, để tạo ra nguồn sức mạnh nội sinh, không có con đường nào khác là phải tiếp tục

(1) Phạm Văn Đồng "Văn hóa và đổi mới". Nhà xuất bản chính trị Quốc gia Hà Nội, 1994, tr.35 - 35

(2) (3) Phạm Văn Đồng, sách đã dẫn tr.48 và 49

(3) Phạm Văn Đồng "Hồ Chí Minh và con người VN trên con đường dân giàu nước mạnh" Nxb Chính trị quốc gia- Hà Nội 1993, tr.34

(4) Báo cáo của Liên Hiệp Quốc "Phát triển năng lực để xóa đói giảm nghèo" do UNDP - UNICEF xuất bản năm 1996 - từ trang 29

(5) Báo cáo chuyên đề "Thực trạng phát triển kinh tế trên địa bàn TP.HCM trong thời gian qua"

(6) C.Mác & Ph. Anghen, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1993, tập 93, trang 21.

(7) C.Mác & Ph.Anghen *Toàn tập*, tập I, Nxb Chính trị quốc gia 1995, tr.570.

Tham luận trong hội thảo : "Tiếp tục đổi mới chính sách đối với các thành phần kinh tế nhằm xây dựng, và hoàn thiện QHSX Theo định hướng XHCN ở Việt Nam" được tổ chức tại trường Đại học Kinh tế TP. HCM ngày 21 - 22.9.1998